

Số: 29 /BC-BKS

TP Vinh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 – Công ty cổ phần dệt may Hoàng Thị Loan.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội khóa 14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- ❖ Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan;
- ❖ Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần dệt may Hoàng Thị Loan xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về đánh giá công tác quản lý điều hành của Công ty cổ phần dệt may Hoàng Thị Loan và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

**A. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:**

I. Một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Năm 2021		So sánh KH %	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH21 /KH21	TH21 /TH20
I	SẢN LƯỢNG						
1	Sản lượng SX quy chuẩn		8,659	11,956	10,754	90%	124%
-	Sợi đơn nổi cọc QC Ne30/1	Tấn	7,594	10,356	9,305	90%	123%
-	Sợi đơn OE QC Ne20/1	Tấn	609	1,000	1,223	122%	201%
-	Sợi xe QC Ne32/2	Tấn	456	600	226	38%	50%
2	Sản lượng Tiêu thụ	Tấn	10,914		14,140		130%
II	DOANH THU	Tỷ đồng	511	652	798	122%	156%
1	Doanh thu sợi	Tỷ đồng	452	637	767	120%	170%
2	Doanh thu khác	Tỷ đồng	60	15	31	209%	53%
3	Kim ngạch xuất khẩu sợi	1.000 USD	11,959	13,500	22,209	165%	186%
III	THU NHẬP BÌNH QUẢN	1.000 đồng	7,400	7,900	9,500	120%	128%
IV	LỢI NHUẬN	Tỷ đồng	(18.20)	15.00	55.23	368%	-303%

II. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Sản xuất kinh doanh:

- Nhìn vào Bảng, các chỉ tiêu chính chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, tuy nhiên vẫn còn một vài chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch như: Sản lượng Sợi đơn Nổi cọc QC Ne30/1 đạt 90%; Sản lượng Sợi xe QC Ne32/2 đạt 38% so với kế hoạch.



Nguyên nhân: Dịch Covid bùng phát lần thứ 4, việc phải thực hiện giãn cách xã hội theo các Chỉ thị của Chính Phủ, Công ty cũng phải thực hiện sản xuất “3 tại chỗ”, lực lượng lao động thiếu hụt trầm trọng, công suất máy chỉ huy động được 60 – 80% do đó ảnh hưởng lớn đến sản lượng sản xuất không đạt so với kế hoạch giao.

Sợi Xe QC Ne32/2, Công ty chỉ sản xuất cầm chừng theo từng đơn đặt hàng khi có tính toán hiệu quả nên sản lượng sản xuất của sợi xe chỉ đạt 226 tấn và bằng 38% so với kế hoạch đề ra.

Với mặt hàng sợi OE do giảm cả sức mua và giá bán, nguyên liệu chính là Bông phế giá mua vào rất cao, vì vậy mà cũng chỉ sản xuất cầm chừng để giữ khách hàng.

## 2. Tiêu thụ sản phẩm:

- Với sợi xuất khẩu, Công ty đã mạnh dạn mở rộng, khai thác thêm các thị trường nước ngoài mới như các nước Đông nam Á, Hàn Quốc, các nước Nam Mỹ ... đồng thời cũng thu hẹp thị trường Ai Cập vì lý do vận chuyển đi lại, thời gian giao hàng dài ngày, thời hạn để được thanh toán lâu.

- Với sợi nội địa là duy trì khách hàng truyền thống, đảm bảo đơn hàng ổn định.

## 3. Công tác lao động:

- Sau khi đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, định biên lại lao động, sắp xếp lại các dây chuyền sản xuất. Duy trì nề nếp, kỷ luật chặt chẽ bên cạnh đó không ngừng nâng cao công tác tuyển dụng, đào tạo, chăm công, thanh toán tiền lương thu nhập và giải quyết chế độ cho người lao động kịp thời.

- Luôn luôn cải thiện điều kiện làm việc, điều chỉnh thu nhập, tổ chức thi nâng bậc, nâng tay nghề cho người lao động.

- Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2021 là: 9,5 triệu đồng / người lao động / tháng

## III. Tình hình tài chính:

### 1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021:

ĐVT: 1.000.000 đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2021	01/01/2021	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	%
	1	2	3=1-2	4=1/2
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>345,493</b>	<b>289,559</b>	<b>55,934</b>	<b>119%</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>197,401</b>	<b>141,169</b>	<b>56,232</b>	<b>140%</b>
a. Tiền và các khoản tương đương tiền	40,243	11,862	28,381	339%
b. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,789	3,706	84	102%
c. Các khoản phải thu ngắn hạn	83,162	50,304	32,858	165%
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>63,647</i>	<i>41,013</i>	<i>22,634</i>	<i>155%</i>
d. Hàng tồn kho	69,925	75,136	(5,211)	93%
e. Tài sản ngắn hạn khác	282	161	121	175%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>148,093</b>	<b>148,391</b>	<b>(298)</b>	<b>100%</b>
a. Tài sản cố định	144,823	143,725	1,099	101%
b. Đầu tư tài chính dài hạn	2,300	2,300	-	100%
c. Tài sản dài hạn khác	969	2,366	(1,396)	41%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>345,493</b>	<b>289,559</b>	<b>55,934</b>	<b>119%</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>243,074</b>	<b>273,431</b>	<b>(30,357)</b>	<b>89%</b>
a. Nợ ngắn hạn	194,854	216,645	(21,791)	90%
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>22,756</i>	<i>14,855</i>	<i>7,901</i>	<i>153%</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>148,437</i>	<i>183,341</i>	<i>(34,904)</i>	<i>81%</i>
b. Nợ dài hạn	48,220	56,786	(8,566)	85%
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>48,220</i>	<i>56,786</i>	<i>(8,566)</i>	<i>85%</i>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>102,419</b>	<b>16,129</b>	<b>86,291</b>	<b>635%</b>



a. Vốn chủ sở hữu	102,419	16,129	86,291	635%
Vốn góp của chủ sở hữu	55,000	36,958	18,042	149%
Thặng dư vốn cổ phần	14,905	-	14,905	
Quỹ đầu tư phát triển	27,778	27,778	-	100%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(48,607)	(30,380)	(18,228)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	53,344	(18,228)	71,571	

## 2. Hàng tồn kho:

ĐVT: 1.000.000 đồng

NỘI DUNG	31/12/2021	01/01/2021	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	%
Nguyên liệu, vật liệu	39,409	29,173	10,236	135%
Công cụ, dụng cụ	190	126	64	151%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5,058	8,435	-3,377	60%
Thành phẩm	25,661	36,459	-10,798	70%
Hàng hóa	250	315	-65	79%
Hàng gửi đi bán	775	775	0	100%

Hàng tồn kho giảm từ 75,1 tỷ xuống còn 69,9 tỷ chủ yếu là:

- Nguyên liệu, vật liệu tăng 10,2 tỷ so với đầu năm do mua nguyên liệu chuẩn bị cho sản xuất trước, trong và sau tết Nguyên đán.

- Do Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm nhập kho giảm 14 tỷ.

- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 2,06 tỷ.

## 3. Nguồn vốn: Tại ngày 31/12/2021 tăng 55,9 tỷ đồng so với đầu năm là:

- Các khoản Nợ ngắn hạn và đến hạn trả đã giảm là 21,8 tỷ đồng

- Vay và Nợ thuê tài chính giảm 34,9 tỷ đồng.

## 4. Vốn Chủ sở hữu tăng 86,2 tỷ đồng lý do:

- Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 số tiền 18,026 tỷ đồng và phần thặng dư vốn cổ phần là 14,97 tỷ đồng. Cộng 2 khoản là: 32,9 tỷ đồng

- Năm 2021 SXKD có lãi, lợi nhuận sau thuế là 53,3 tỷ đồng.

## IV. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: 1.000.000 đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2021	01/01/2021	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	%
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	797,004	510,618	286,387	156%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2,217	(2,217)	0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	797,004	508,401	288,603	157%
4. Giá vốn hàng bán	661,946	475,638	186,308	139%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	135,058	32,763	102,295	412%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5,715	2,906	2,809	197%
7. Chi phí tài chính	14,763	16,920	(2,158)	87%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	11,477	15,443	(3,966)	74%
8. Chi phí bán hàng	47,354	20,366	26,988	233%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,895	18,471	6,424	135%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53,762	(20,089)	73,851	-268%
11. Thu nhập khác	1,838	2,567	(729)	72%
12. Chi phí khác	371	678	(307)	55%
13. Lợi nhuận khác	1,466	1,889	(422)	78%



14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55,228	(18,200)	73,429	-303%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,884	27	1,857	6942%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	53,344	(18,228)	71,571	-293%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9,699	(5,044)		

- Doanh thu tăng 286,3 tỷ so với số đầu năm vì trong năm tài chính, Công ty đã tích cực bán hàng cả với thị trường nội địa cũng như xuất khẩu sản lượng tiêu thụ tăng 3.226 tấn bên cạnh đó giá bán ra trên thị trường tăng mạnh.

- Giá vốn hàng bán tăng tương ứng là 186,3 tỷ đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 2,8 tỷ đồng trong khi đó chi phí lãi vay ngân hàng giảm 3,96 tỷ đồng đã đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2021.

- Chi phí bán hàng số cuối năm tăng 26,9 tỷ đồng lý do: Những tháng đầu năm, do ách tắc Kênh đào Suez (tàu Ever Given thuộc sở hữu của một công ty cho thuê tàu có trụ sở tại Imabari, Nhật Bản mang tên Shoei Kisen KK. Con tàu với trọng tải 220.000 tấn, chở theo hàng trăm container hàng hóa, đang trong hành trình tới điểm đến Rotterdam ở Hà Lan thì bị mắc kẹt trên kênh đào Suez), cộng với do dịch bệnh Covid nên lượng Container tồn ứ ở các nước Châu Âu, không đủ để chở hàng hóa và như vậy đã đẩy chi phí vận chuyển, thuê Cont tăng lên rất lớn.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 6,4 tỷ đồng là do Dịch bệnh Covid phải thực hiện giãn cách xã hội, thực hiện 3 tại chỗ, lao động thiếu hụt, buộc người lao động phải làm tăng ca, chi phí ăn ở, tiền lương, tiền công, Chi phí thưởng cho các tổ đội thực hiện thi đua, thưởng cho cán bộ chủ chốt có thành tích trong năm và trích lập quỹ dự phòng tiền lương cho năm sau.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 55,2 tỷ đồng và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

V. Một số chỉ tiêu đánh giá năng lực, hiệu quả của Công ty qua các năm:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Cơ cấu tài sản, Cơ cấu nguồn vốn				
1.1	Cơ cấu tài sản:				
	- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	44%	50%	42%
	- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	55%	49%	57%
1.2	Cơ cấu nguồn vốn:				
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	91%	94%	70%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	9%	6%	16%
	- Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	9.70	16.95	4.52
2	Khả năng thanh toán:				
	- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0.03	0.05	0.21
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.31	0.26	0.65
3	Khả năng sinh lời:				
	- Tỷ suất danh lợi / Tổng doanh thu (ROS)	%	-3%	-4%	7%
	- Tỷ suất sinh lợi / Tổng tài sản (ROA)	%	-8%	-6%	16%
	- Tỷ suất sinh lợi / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-89%	-113%	103%
	- Thu nhập cổ phiếu thường (EPS)	đồng	(8,276)	(4,925)	12,130
	- Giá trị sổ sách (BV)	tỷ đồng	34,357	16,129	102,419
	- Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (BVPS)	đồng	9,388	4,407	18,622
4	Hệ số thanh toán lãi vay	%	-150%	-108%	374%
5	Hiệu quả hoạt động:				
	- Vòng quay hàng tồn kho		7.40	6.32	7.41
	- Hiệu suất sử dụng TSCĐ		2.51	1.76	2.31



6	Chỉ số DAR (Tổng nợ / Tổng TS)	%	91%	94%	70%
---	--------------------------------	---	-----	-----	-----

Bảng các chỉ tiêu trên phản ánh tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản cố định chiếm 42% Tổng tài sản, tài sản lưu động chiếm 57% tổng tài sản.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả chiếm 70% tổng nguồn vốn, trong khi đó Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 16% và Nợ phải trả gấp 4,52 lần Nguồn vốn chủ sở hữu.
- Khả năng thanh toán hiện thời <1 phản ánh khả năng thanh toán của Doanh nghiệp thấp, dấu hiệu báo trước những khó khăn tiềm ẩn về tài chính ví dụ doanh nghiệp có thể gặp phải trong việc phải trả các khoản nợ ngắn hạn khi nền kinh tế gặp khủng hoảng, năm 2019 và năm 2020 thì hệ số này gần về 0 doanh nghiệp gặp nguy hiểm trong thanh toán. Nhưng năm 2021 chỉ số này đang dần được hồi phục đang ở mức 0,21 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh năm 2021 đang nằm trong giới hạn >0,5 và <1: Phản ánh doanh nghiệp có khả năng thanh toán tốt, tính thanh khoản cao.
- Khả năng sinh lợi trong năm 2021 là rất tốt: Tỷ suất danh lợi trên Doanh thu (ROS) đạt 7%; Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) đạt 16%; Tỷ suất sinh lợi trên Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 103%

Thu nhập cổ phiếu thường (EPS): 12.130 đồng / CP

Giá trị sổ sách cho một cổ phiếu (BVPS): 18.622 đồng / CP

#### **B. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021:**

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, tình hình thực hiện các dự án đầu tư và tình hình sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng năm. Xem xét báo cáo tài chính năm 2021 đã được soát xét, kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính.
- Xem xét việc cân đối vốn, tình hình dự trữ tồn kho, mua nguyên liệu vật liệu; tình hình quản lý chi phí.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, ngoài tiền thù lao theo quy định không làm phát sinh thêm bất kỳ chi phí hoạt động nào.

#### **C. Kết quả việc kiểm tra, giám sát năm 2021:**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc luôn chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của HĐQT và nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ do HĐQT và ĐHĐCĐ giao.
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt nam.

#### **D. Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022**

- Tiếp tục thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT.
- Kiểm tra hoạt động của cơ quan điều hành.

- Thẩm định các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, xin báo cáo Đại hội cổ đông. Rất mong sự góp ý chân thành của Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Xin kính chúc sức khỏe các Quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin chân thành cảm ơn!



Trần Đức Hoàn

